

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2019/DS-ST
Ngày: 31-10-2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất
(ranh đất)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân
2. Bà Phạm Thị Kim Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất (ranh đất)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2019/QĐXX-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị G, sinh năm 1951; Nơi cư trú: Tổ X, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn M, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Tổ X, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 250m² (ngang 12,5m; dài 20m) tại địa chỉ ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang là của gia đình bà ở ổn định từ năm trước năm 1945 đến nay, sau đó cha mẹ cho lại bà sử dụng từ năm 1997. Ngày 16/01/2017 ông Nguyễn Văn M đã lấn chiếm của bà G diện tích đất là ngang 0,9m, dài 20m và ngăn cản không cho bà làm thủ tục đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Nay bà G yêu cầu ông M trả lại phần đất lấn chiếm là ngang 0,9m, dài 20m.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Văn M nhưng ông M đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vắng mặt nhưng có xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được xác định ranh đất của bà và ông M theo bản đồ hiện trạng ngày 31/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành, đồng ý chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

- Bị đơn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác nhận các điểm 77, 74 là ranh đất chung giữa bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

1.1 *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp quyền sử dụng đất, cụ thể là tranh chấp về ranh đất, đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 *Thẩm quyền giải quyết:* Đối tượng tranh chấp là đất đai không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai 2013, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã V mà không thành nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai 2013, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo quy định tại.

1.3 *Sự có mặt của các đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

Bà G trình bày, gia đình bà sử dụng diện tích đất khoảng 250m² tại ấp Đông Bình Trạch, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ổn định từ trước năm 1945 đến nay, sau đó cha bà cho lại bà diện tích đất này. Đất của bà giáp ranh với bà Phạm Thị P, ông Cao Văn H và ông Nguyễn Văn M. Do đất chưa được cấp quyền sử dụng đất nên vào ngày 16/01/2017, bà G làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông M ngăn cản và có lần chiếm của bà G diện tích đất là 18m² (ngang 0,9m, dài 20m). Tuy nhiên, sau khi đo đạc, bà G xác định ông M chỉ lấn chiếm của bà diện tích 8,5m², do đó tại phiên tòa, bà G thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu xác định ranh đất của bà và ông M tại các điểm 74, 77 của bản đồ hiện trạng ngày 31/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà G không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà G.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại bản đồ hiện trạng ngày 31/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Thành thể hiện, ông Nguyễn Văn M đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06470/hG ngày 29/4/2004, thuộc tờ bản đồ số 57, thửa 19, diện tích 245,6m² tại các điểm 74, 75, 78, 79, 76, 77, và thể hiện ranh đất chung của bà G và ông M tại các điểm 74, 77. Như vậy, bà G yêu cầu được xác định ranh chung với ông M tại các điểm 74, 77 là phù hợp nên theo quy định tại Điều 170 Luật đất đai nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc: Bà G tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, căn cứ Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu chi phí việc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm ngàn đồng), phải chịu chi phí đo đạc là 674.300đ (Sáu trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm đồng). Nguyên đơn đã tạm ứng toàn bộ số tiền trên nên được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp (Nguyên đơn đã nộp xong).

[5] Về án phí sơ thẩm: Do ông M không có lấn chiếm đất và không có lỗi trong vụ kiện nên bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Giúp là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí cho bà G.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 170, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai

2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G. Xác định ranh đất chung giữa bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn M tại các điểm 74, 77 của bản đồ hiện trạng ngày 31/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành.

2. *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc:* Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu chi phí việc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm ngàn đồng), phải chịu chi phí đo đạc là 674.300đ (Sáu trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp (nguyên đơn đã nộp xong).

3. *Về án phí sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Giao